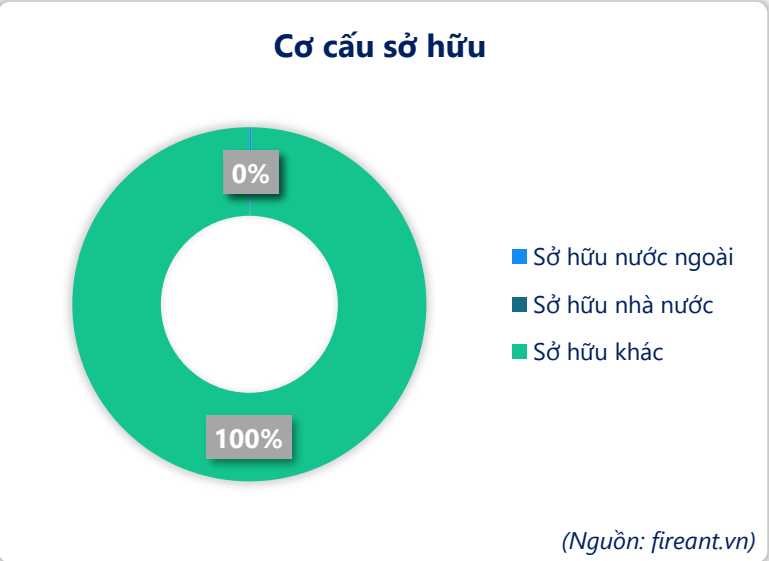
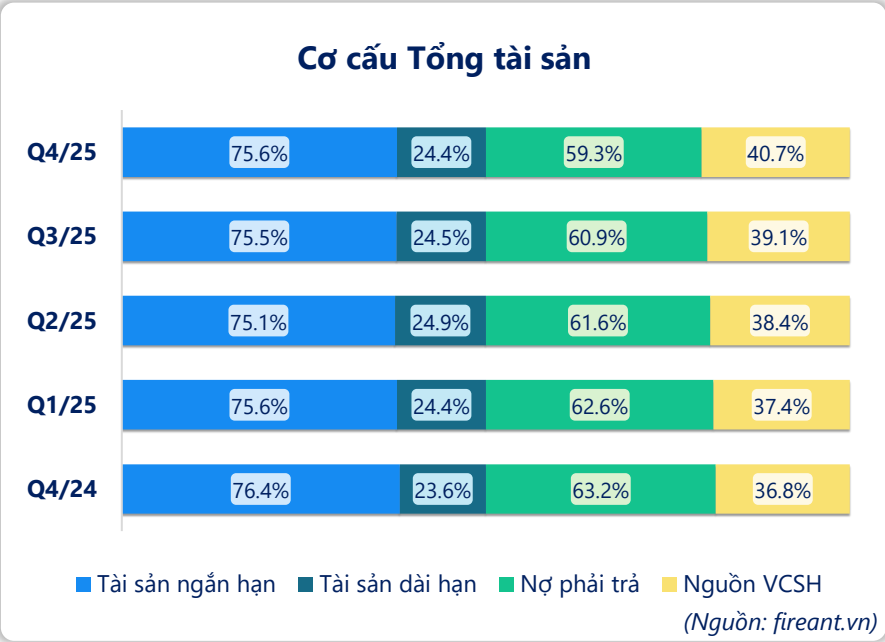
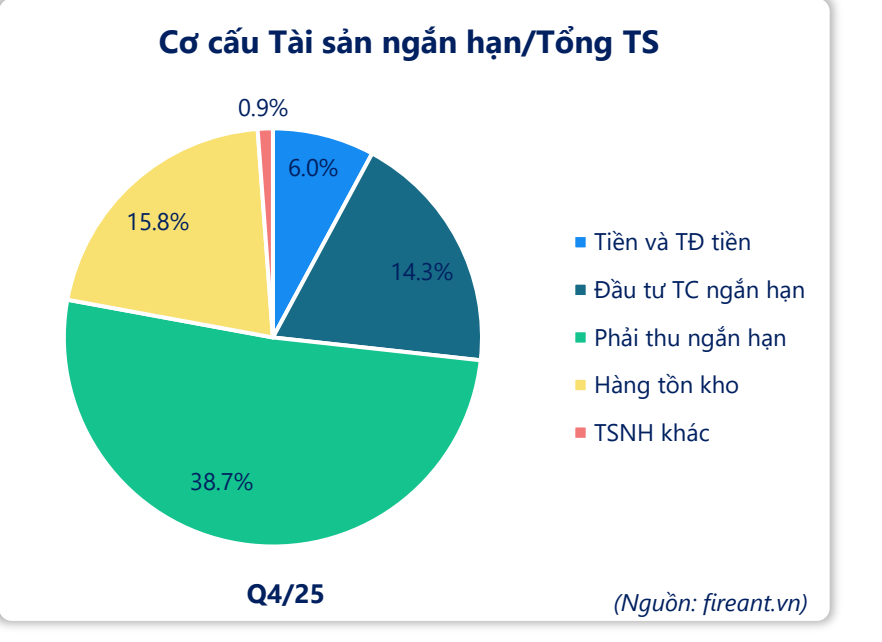
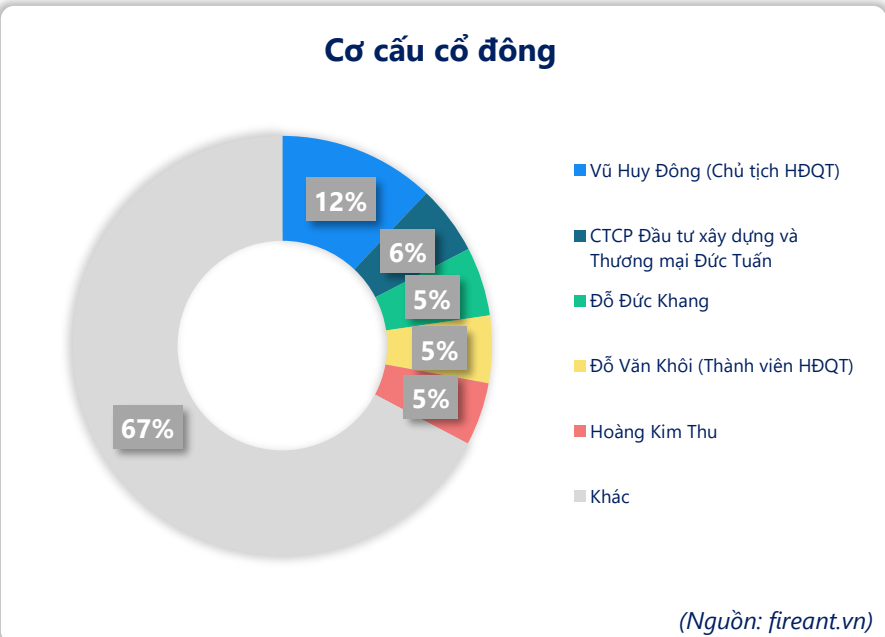
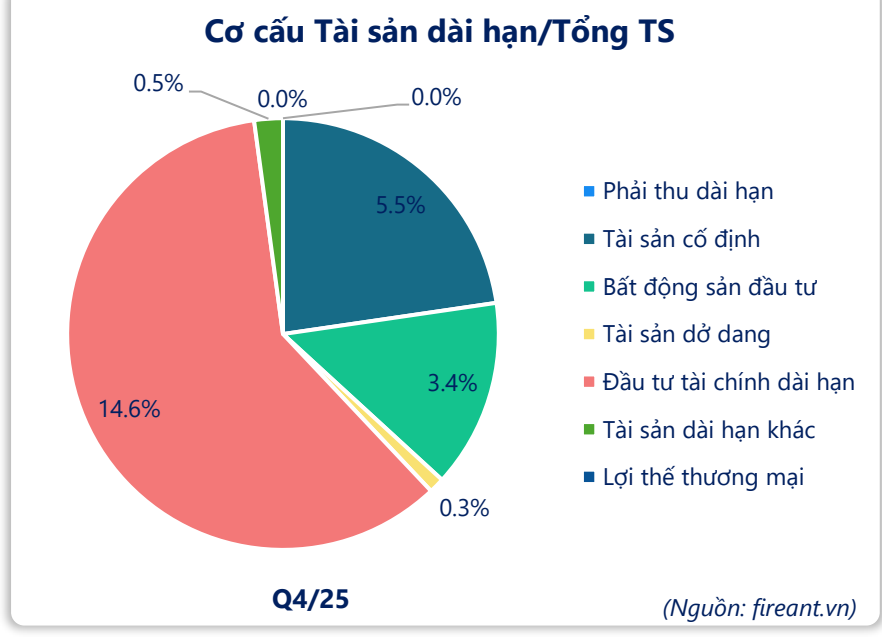
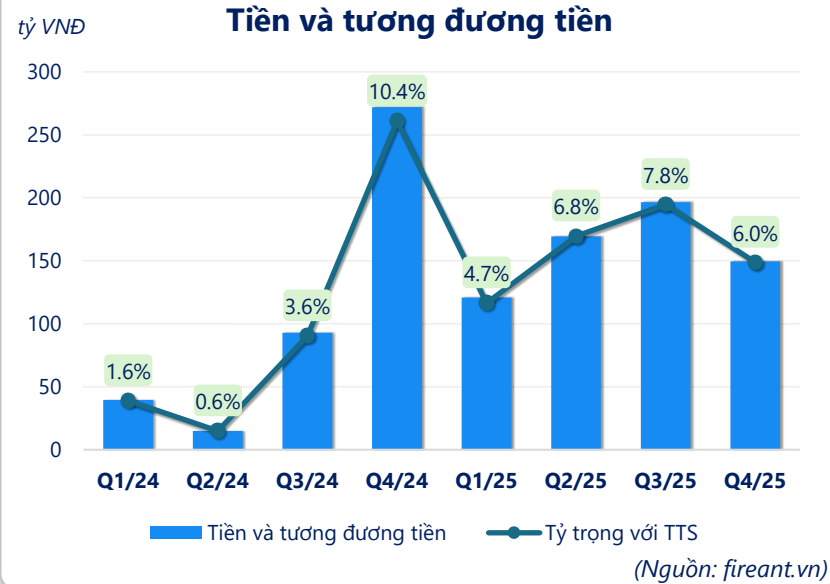
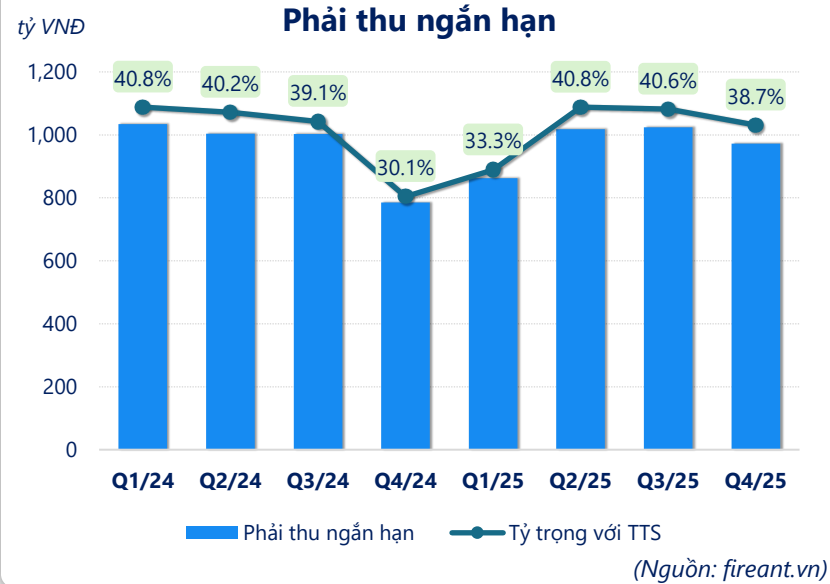
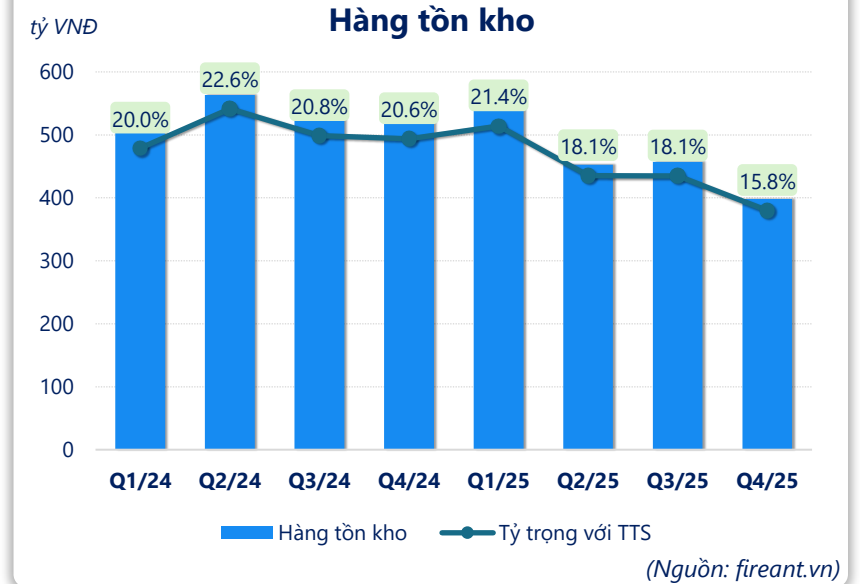
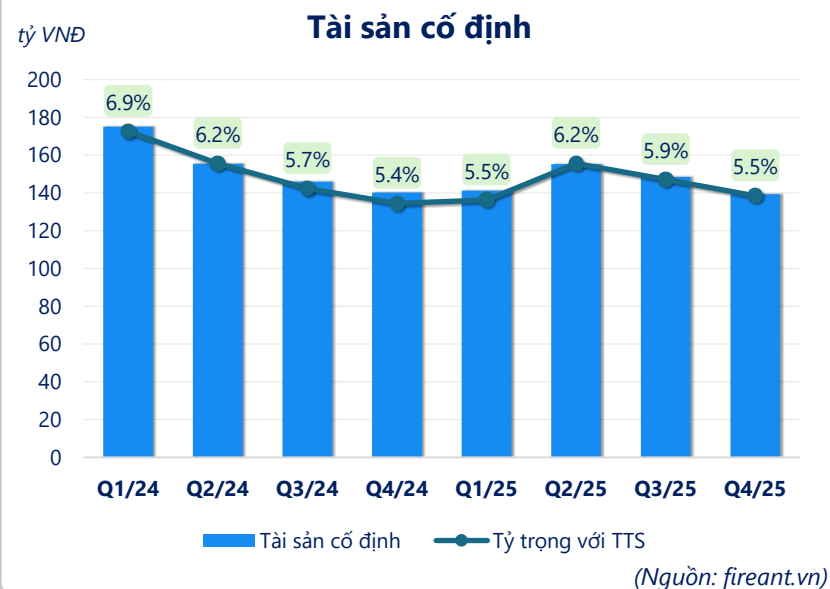
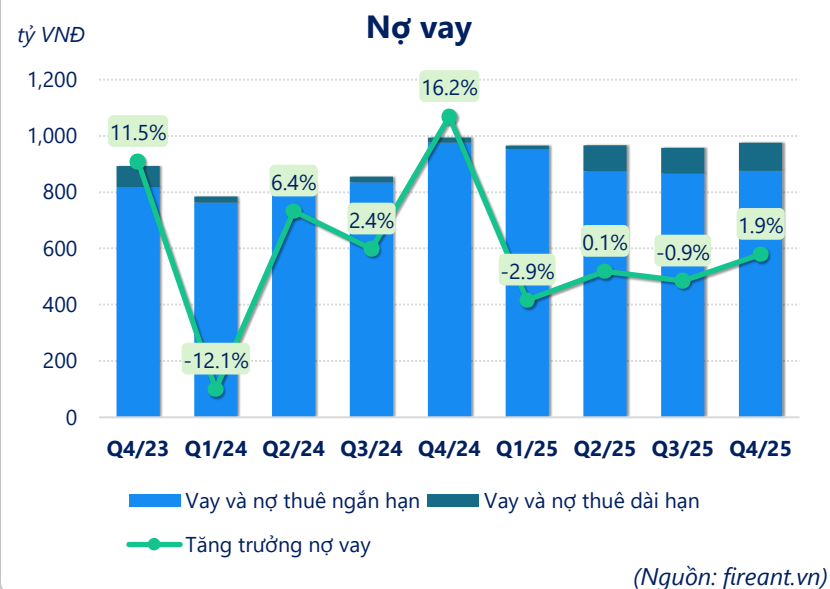
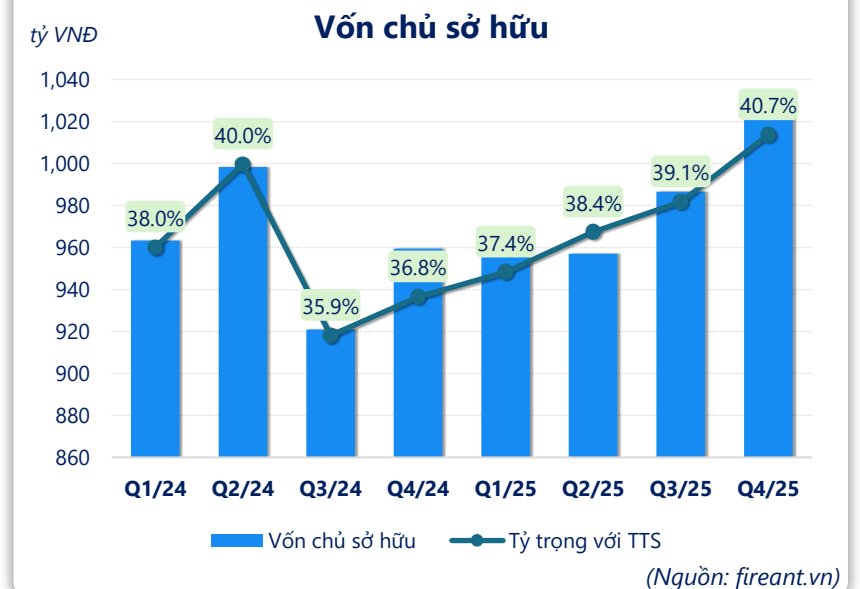
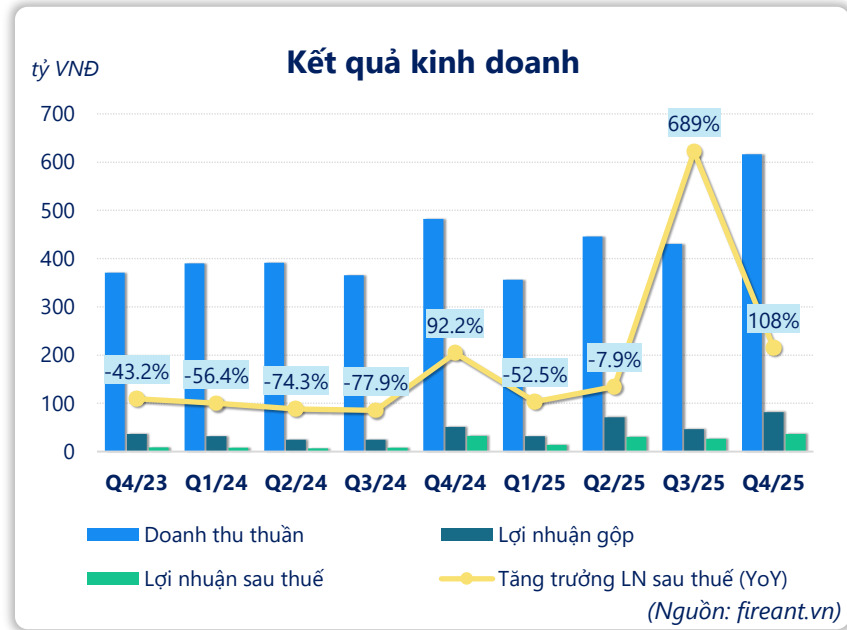
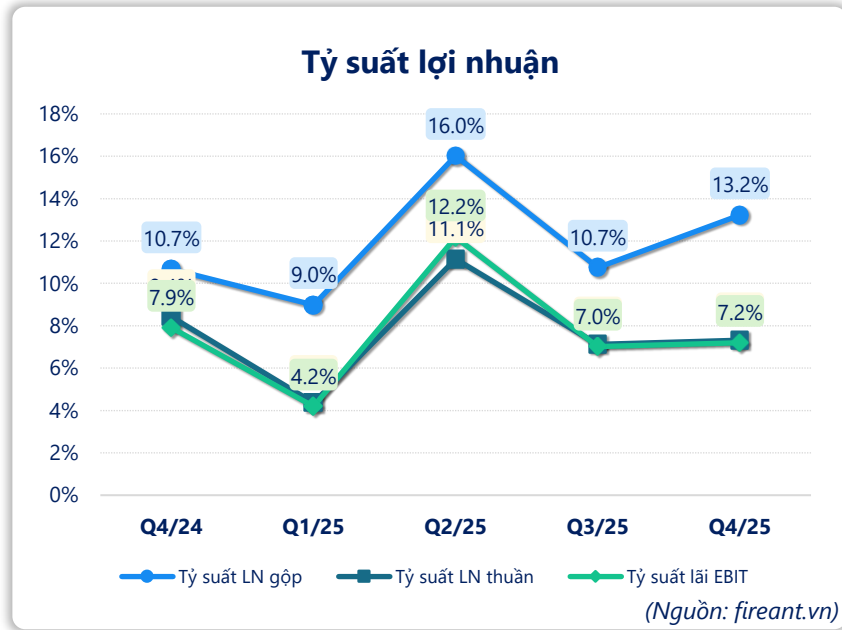
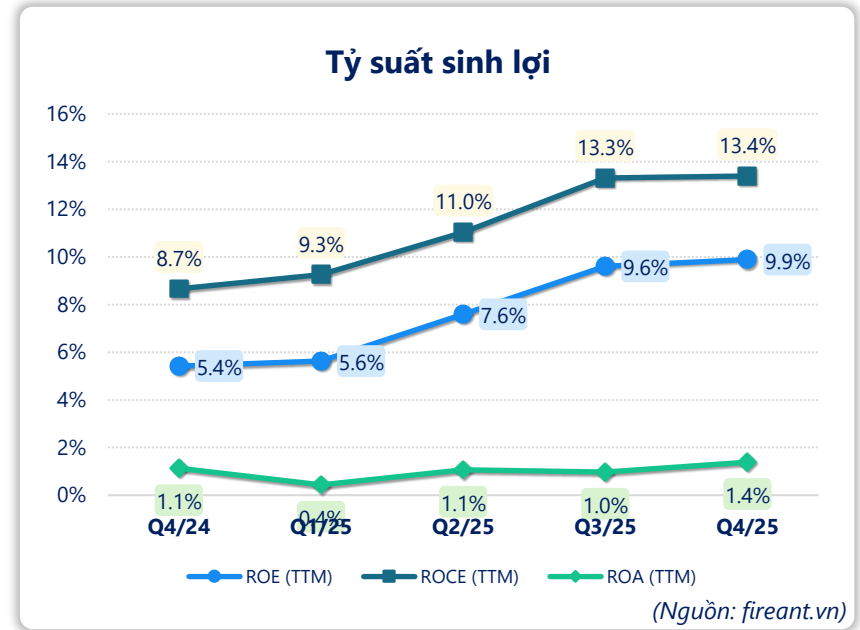
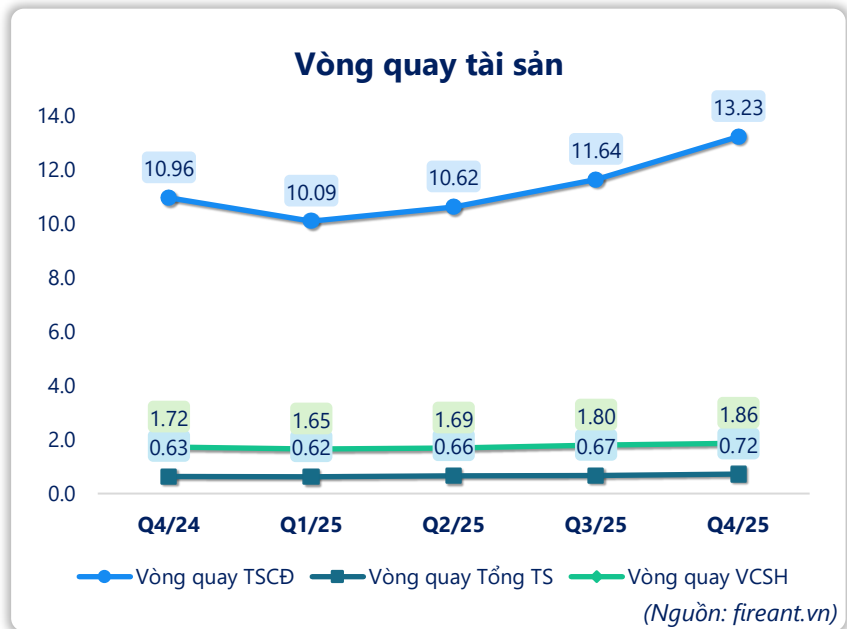
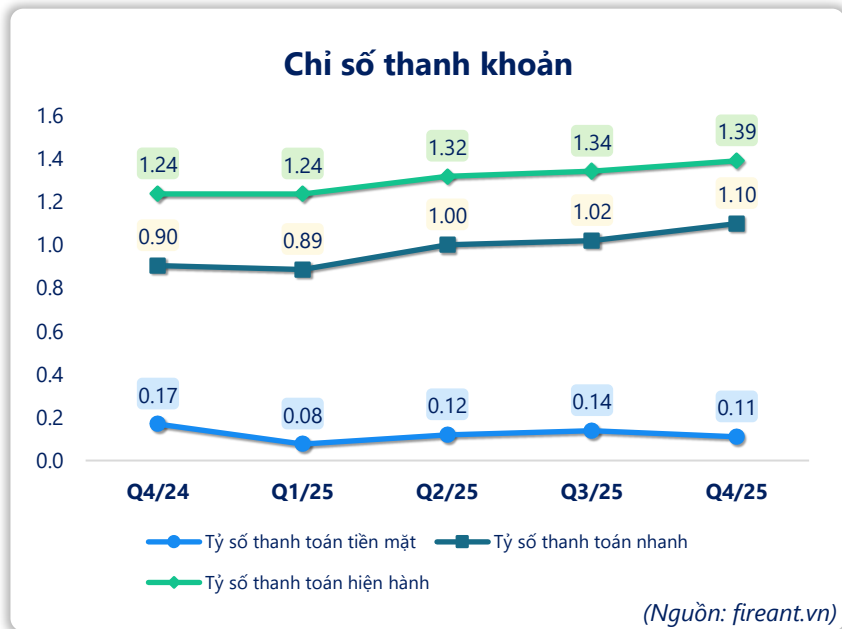
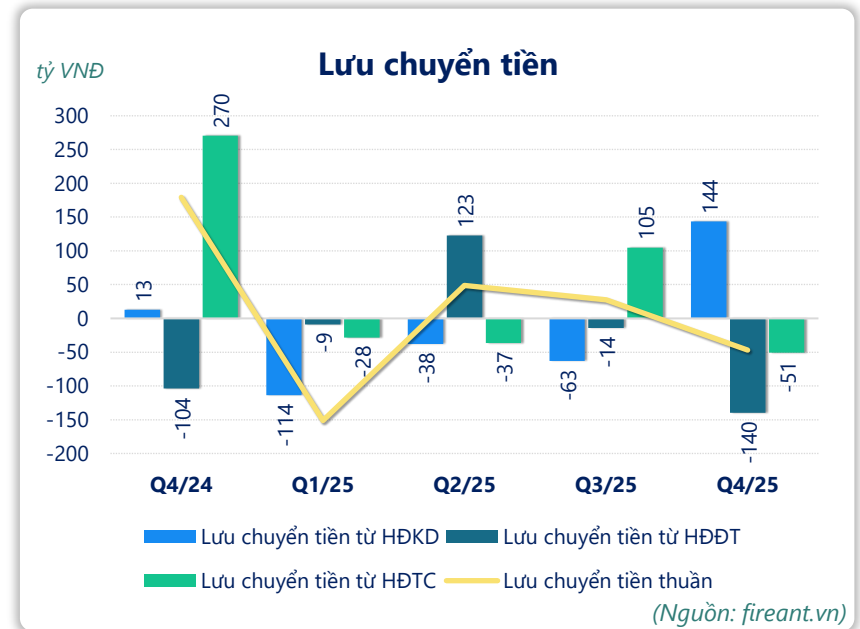


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,920
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,760
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,625
SL cổ phiếu LH		76,394,727
KLGD BQ 20 phiên (CP)		47,220
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		605
P/E		6.2
EPS		1,283

	YTD	1T	3T	6T
ADS	-4.2%	-3.4%	-10.2%	-0.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,514	2,604	-3.4%
Tài sản ngắn hạn	1,901	1,987	-4.3%
Tiền và tương đương tiền	150	272	-45.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	359	377	-4.8%
Phải thu ngắn hạn	972	784	24.1%
Hàng tồn kho	398	535	-25.7%
Tài sản ngắn hạn khác	22.2	19.2	15.7%
Tài sản dài hạn	614	617	-0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	139	140	-0.7%
Bất động sản đầu tư	86.7	20.4	326%
Tài sản dở dang	7.09	52.3	-86.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	368	350	5.0%
Tài sản dài hạn khác	13.2	53.8	-75.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,491	1,647	-9.4%
Nợ ngắn hạn	1,366	1,613	-15.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	875	980	-10.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	75.7	85.1	-11.0%
Nợ dài hạn	125	33.3	276%
Vay và nợ thuê dài hạn	101	13.6	643%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,023	957	6.9%
Vốn chủ sở hữu	1,023	957	6.9%
Vốn điều lệ	764	764	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	482	357	446	430	616
Giá vốn hàng bán	431	325	374	384	535
Lợi nhuận gộp	51.4	32.0	71.4	46.2	81.4
Doanh thu HĐTC	8.48	7.90	7.40	7.04	3.64
Chi phí TC	8.91	12.0	15.4	11.9	24.7
Chi phí lãi vay	0	0	22.4	0	0
LN trong công ty LKLD	3.53	0	-2.18	0	0
Chi phí bán hàng	3.25	3.23	3.35	3.77	3.16
Chi phí QLDN	10.7	9.12	8.18	6.99	12.1
LN thuần từ HĐKD	40.6	15.6	49.7	30.6	45.1
Lợi nhuận khác	-2.44	-0.62	-17.8	-0.47	-0.77
LN trước thuế	38.1	14.9	31.8	30.2	44.3
Lợi nhuận sau thuế	32.8	14.0	30.7	26.4	36.5
LNST của CĐ cty mẹ	29.1	11.2	26.5	24.9	35.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.7	-114	-37.7	-63.2	144
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-104	-9.14	123	-14.2	-140
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	270	-28.4	-36.5	105	-50.9
Tiền đầu kỳ	92.8	272	121	169	197
Lưu chuyển tiền thuần	179	-151	48.6	27.3	-46.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.02	-0.02	0
Tiền cuối kỳ	272	121	169	197	150

(Nguồn: fireant.vn)